TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01 /2024/HNGĐ-ST
Ngày: 02 /01/2024
V/v ly hôn giữa chị T và anh L

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thành Đông.

Bà Trần Ngọc Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 442/2023/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 372/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Tô Thanh T**, sinh năm 1982;

Hộ khẩu thường trú: ấp A, xã L, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Nơi đang cư trú: ấp 3, xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: **Anh Nguyễn Thành L**, sinh năm 1982;

Nơi cư trú: ấp A, xã L, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Chị T và anh L vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Tô Thanh T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thành L tự nguyện kết hôn vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre vào ngày 22/6/2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do anh chị có bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn kéo dài từ năm 2020 đến nay nhưng anh chị vẫn không khắc phục được. Vợ chồng không có tiếng nói chunng, không còn quan tâm lẫn nhau. Từ tháng 7/2023, chị đã về nhà cha mẹ ruột ở xã N sinh sống và vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Chị có công việc và thu nhập ổn định nên không yêu cầu Tòa án xem xét đến việc cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trọng H, sinh ngày 21 tháng 02 năm 2005 và Nguyễn Thị Như H, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2007 hiện nay đang sống với anh L. Sau khi ly hôn, chị đồng ý giao con chung là Như H cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Riêng con chung là Trọng H đã trưởng thành và có công việc làm nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung: Chị và anh L không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh L không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thành L trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải, hồ sơ khởi kiện photo theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh L đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của anh L.

Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến: Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký và nguyên đơn đã tuân thủ theo quy định của pháp luật, riêng bị đơn không tuân thủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Theo kết quả xác minh đã xác định được mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh L tồn tại đã lâu, đến nay vợ chồng đã sống ly thân; trong suốt quá trình tố tụng anh L vắng mặt không đến tòa cho thấy anh L không có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh L đã trầm trọng, hôn nhân có kéo dài cũng không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Về con chung, chị T và anh L có 02 con chung tên Nguyễn Trọng H, sinh ngày 21 tháng 02 năm 2005 và Nguyễn Thị Như H, sinh ngày 24 tháng 9 năm

2007; từ khi ly thân đến nay anh L trực tiếp nuôi cháu H; cháu H cũng có nguyện vọng sống cùng anh L. Do đó, để không làm xáo trộn cuộc sống hiện nay của con chung cháu đề nghị Tòa án giao con chung cho anh L trực tiếp nuôi cháu H; do anh L không có ý kiến hay yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét; riêng cháu H đã trưởng thành nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung chị T khai là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Tòa án ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa chị Tô Thanh T và anh Nguyễn Thành L là tranh chấp về ly hôn, về nuôi con chung. Bị đơn anh L đang cư trú tại xã L, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải nhiều lần nhưng bị đơn anh L vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành lập biên bản không hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh L vẫn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2; chị T có đơn xin vắng mặt. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh L.

[2] Về hôn nhân: Chị Tô Thanh T và anh Nguyễn Thành L kết hôn vào năm 2004, hôn nhân do anh chị tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Lễ, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre ngày 22/6/2004 nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Chị T xác định, trong thời gian vợ chồng chung sống anh chị có bất đồng, vợ chồng thường xuyên cãi nhau; mâu thuẫn kéo dài và vợ chồng cũng đã sống ly thân. Đến nay, chị T xác định quan hệ hôn nhân giữa chị và anh L không thể kéo dài nên cương quyết xin ly hôn. Xét lời khai của chị T phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Long không đến tham gia phiên hòa giải, không đến tham gia phiên tòa; điều đó cho thấy anh L không có thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Từ đó có cơ sở để xác định, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì tình trạng này sẽ ảnh hưởng đến đời sống bình thường của các thành viên trong gia đình nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả

hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Chị T và anh L có 02 con chung tên Nguyễn Trọng H, sinh ngày 21 tháng 02 năm 2005 (theo Giấy khai sinh số 38 do Ủy ban nhân dân xã Hưng Lễ, huyện Giồng Trôm cấp ngày 22/4/2005) và Nguyễn Thị Như H, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2007 (theo Giấy khai sinh số 152 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện Giồng Trôm cấp ngày 07/11/2007). Chị T giao con chung tên Như H cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân thì anh L là người trực tiếp nuôi cháu Như H. Hơn nữa, cháu Như H cũng có nguyện vọng sống cùng anh L. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung và không làm xáo trộn cuộc sống hiện nay của con, Hội đồng xét xử giao cho anh L được trực tiếp nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do anh L vắng mặt trong quá trình tố tụng, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh L về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Tòa án không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của chị T. Riêng con chung tên Trọng H chị T khai đã trưởng thành và có công việc làm nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T khai chị và anh L không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, anh L vắng mặt trong quá trình tố tụng, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh L về phần tài sản chung và nợ chung. Do đó, Tòa án không xem xét về tài sản chung và nợ chung.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

[6] Từ những nhận định nêu trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 207, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Tô Thanh T ly hôn với anh Nguyễn Thành L.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Như H, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2007 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

Riêng con chung tên Nguyễn Trọng H, sinh ngày 21 tháng 02 năm 2005 đã trưởng thành và có công việc nên Tòa án không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị Tô Thanh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001592 ngày 25/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Đương sự đã nộp đủ án phí.

Chị T và anh L vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Phòng GĐKT TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã L, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Ngọc Huyền